

Số: 183 /TB-BVYHCTTW
v/v cung cấp báo giá dược liệu, hóa
chất, vật tư tiêu hao phục vụ công tác
NCKH

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các quý đơn vị, công ty.

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu nguyên vật liệu, dược liệu phục vụ đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí chẩn đoán theo Y học cổ truyền và ứng dụng công nghệ tiên tiến bào chế chế phẩm điều trị bệnh đột quỵ não” - Mã số: ĐTDLCN.108/21 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương.

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ:

Trung tâm Đào tạo - Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

ĐT: 0243. 9449745

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương - Số 29 Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 15/3/2024 đến ngày 31/5/2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày cung cấp.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- 01 bản chính (bản cứng) bằng tiếng Việt, được ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp, có số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

- Giá chào bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định, các chi phí khác (nếu có) và cấu hình, thông số kỹ thuật (catalogue)

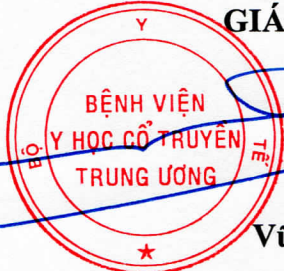
- Danh mục hàng hóa báo giá: theo phụ lục đính kèm.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi.

- Lưu: VT, NCKH, Dược, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Nam

PHỤ LỤC

(gửi kèm theo thông báo số ~~183~~ /TB-BVYHCTTW ngày 15 tháng 3 năm 2024)

DANH MỤC HÀNG HÓA CUNG CẤP BẢO GIÁ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Dược liệu			
1.1	Hồng hoa	kg	21	
1.2	Đào nhân	Kg	36.3	
1.3	Sinh hoàng kỳ	Kg	54.2	
1.4	Xuyên khung	Kg	45.2	
1.5	Đan sâm	Kg	63.2	
1.6	Ngưu tất	Kg	63.2	
1.7	Toàn quy	Kg	69.3	
1.8	Cam thảo	Kg	74.3	
1.9	Sinh địa	Kg	45.2	
1.10	Xích thược	Kg	45.3	
1.11	Địa long	Kg	30.1	
1.12	Tam thất	Kg	45.2	
1.13	Rau má	kg	42.2	
1.14	Thủy ngưu giác	kg	36.2	
1.15	Băng phiến (Mai phiến)	kg	36.2	
1.16	Chi tử	kg	50.2	
1.17	Bán hạ chế	kg	87.7	
1.18	Hoàng liên	kg	36.2	
1.19	An tức hương (cánh kiến trắng)	kg	54.4	
1.20	Nhân sâm	kg	46.9	
2	Động vật thí nghiệm			
2.1	Chuột cống trắng	Con	60	
2.2	Chuột nhắt trắng	Con	320	
2.3	Thức ăn cho chuột	kg	280	
3	Hóa chất			
	Dùng cho máy sinh hóa: Model: 3000 Evolution Cod: RM 4030; Made in Italy			
	Dùng cho máy huyết học: Model: Humacount 30 TS Hãng SX: Human GmbH - Germany			
3.1	Collagenase (Sigma)	gói 100mg	1	
3.2	donkey serum, sigma	gói 100mg	2	
3.3	Eosin (sigma)	gói 100mg	4	
3.4	fetal bovine serum, sigma	gói 100mg	2	
3.5	Formalin 10% Buffered	Chai	8	
3.6	guinea pig anti-DCX, USA	gói 50 µg	2	
3.7	Hematoxylin (sigma)	gói 100mg	4	
3.8	Hóa chất xét nghiệm ALT	hộp	2	
3.9	Hóa chất xét nghiệm AST	hộp	2	



3.10	Hóa chất XN albumin	hộp	2	
3.11	Hóa chất XN bilirubin TP	hộp	2	
3.12	Hóa chất XN cholesterol TP	hộp	2	
3.13	Hóa chất XN creatinin	hộp	2	
3.14	Hóa chất XN huyết học	Bộ	2	
3.15	mouse anti-GFAP, sigma	gói 100 µl	2	
3.16	mouse anti-MBP, USA	gói 100 µl	2	
3.17	mouse anti-MBP, USA	gói 100 µl	2	
3.18	mouse anti-rabbit IgG	gói 100 µl	2	
3.19	normal goat serum, sigma	gói 10ml	2	
3.20	rabbit anti-Ki67 , abcam	gói 500 µg	2	
3.21	rabbit anti-Olig2, sigma	gói 100 µl	2	
3.22	rabbit anti-VEGF, Santa Cruz	gói 1 ml	2	
3.23	rat anti-CD31 antibody, BD Biosciences	gói 1ml	2	
3.24	Rose bengal, Dye content 95 % (Sigma)	gói 1g	1	
3.25	Triton X-100 , sigma	gói 100 ml	4	
3.26	BUN/Ure Nitrogen	Hộp	2	
3.27	Creatinine	Hộp	2	
3.28	GLUC/Glucose	Hộp	1	
3.29	AST (GOT)	Hộp	2	
3.30	ALT (GPT)	Hộp	2	
3.31	ALB/Albumin	Hộp	2	
3.32	TP/Total Protein	Hộp	2	
3.33	CHOL/Cholesterol	Hộp	2	
3.34	Triglyceride	Hộp	2	
3.35	AHDL/Automated HDL Cholesterol	Hộp	2	
3.36	IMT Dilution Check	Hộp	4	
3.37	IMT Flush Solution	Hộp	4	
3.38	IMT Sample Diluent	Hộp	4	
3.39	IMT Standard A	Hộp	4	
3.40	IMT Standard B	Hộp	4	
3.41	Integrated Multisensor Cartridge	Hộp	4	
3.42	Salt Bridge Solution	Hộp	4	
3.43	Enzyme II (ALTI Calibrator)	Hộp	4	
3.44	Chem I Calibrator	Hộp	4	
3.45	Chem II Calibrator	Hộp	4	
3.46	AHDL Calibrator	Hộp	4	
3.47	Cholesterol Calibrator	Hộp	4	
3.48	Total Protein/Albumin Calibrator	Hộp	4	
3.49	Enzyme Verifier	Hộp	4	
3.50	Cuvette Cartridge	Hộp	1	
3.51	Lyphochek Assayed Chemistry Control, Level 1	Lọ	13	
3.52	Lyphochek Assayed Chemistry Control, Level 2	Lọ	13	
3.53	Công thức máu	Test	420	
3.54	Xét nghiệm PT	Test	420	

3.55	Xét nghiệm APTT	Test	420	
3.56	Xét nghiệm Fibrinogen	Test	420	
4	Phụ liệu			
4.1	Isomalt (Đức)	kg	150	
4.2	Glucose (pháp)	kg	100	
4.3	Dextrin	kg	50	
4.4	Lactose	kg	50	
4.5	Carbowax	kg	50	
4.6	Tinh bột	kg	25	
4.7	Cồn 96 độ	lít	1505	
4.8	Màng thiếc	kg	800	
4.9	Hộp giấy	cái	8000	
4.10	Tờ rơi	cái	8000	
4.11	Mật ong	kg	100	
4.12	Đường kính	kg	100	
4.13	Talc	kg	50	
4.14	Parafin	kg	25	
4.15	Nipazin	kg	10	
5	Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng			
5.1	Găng tay	hộp	10	
5.2	khẩu trang	hộp	15	
5.3	bông thấm	kg	5	
5.4	Gạc (mét)	mét	200	
5.5	nilon 60cm x 100cm	kg	10	
5.6	Ống đông thủy tinh 50 ml	cái	10	
5.7	Ống đông thủy tinh 100ml	cái	10	
5.8	Ống đông thủy tinh 1000 ml	cái	5	
5.9	Ống đông thủy tinh 2000 ml	cái	5	
5.10	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 100 ml	cái	10	
5.11	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 250 ml	cái	10	
5.12	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 500 ml	cái	10	
5.13	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 1000ml	cái	10	
5.14	Đũa thủy tinh	cái	20	
5.15	Bình nón nút mài 500 ml	cái	5	
5.16	Bình nón nút mài 1000 ml	cái	5	
5.17	Bông y tế	kg	36	
5.18	Đầu cân 10 μ L (1000 ống/túi)	túi	8	
5.19	Đầu cân 200 μ L (1000 ống/túi)	túi	8	
5.20	Găng tay không bột cỡ S - M	hộp	37	
5.22	Ống eppendorf (500 ống/túi)	Túi	8	
5.23	Đầu cân vàng	cái	650	
5.24	Sát khuẩn tay nhanh	lọ 500	3	
5.25	Nước rửa tay microshield	lọ 500	3	
5.26	Giấy in kq huyết học 9 1/2	thùng	2	
5.27	Giấy in kq điện giải	cuộn	2	
5.28	Cồn sát trùng	chai 500ml	6	
5.29	Bơm tiêm nhựa 5ml	cái	700	
5.30	Ống nghiệm tiết trùng	cái	1400	

5.31	Băng dính cá nhân	hộp 30	18	
5.32	Giấy đọc phim	tờ	480	
5.33	Bao đựng phim	cái	480	
5.34	Film 35 x 43'	tờ	480	
6	Thuốc			
6.1	Piracetam	viên	21,600	

